TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/DS-ST
Ngày: 16-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;
2. Bà Lê Thị Phương Dung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp vốn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-DS ngày 10/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1974; HKTT: Tổ E, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Lê T, sinh năm 1987; HKTT: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/12/2023).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1979; HKTT: Khóm B, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Tạm trú: Tổ 2, ấp S, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn, đại diện nguyên đơn trình bày:***

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và ông Huỳnh Văn K có mối quan hệ làm ăn với nhau nên bà B và ông K đã cùng nhau thỏa thuận góp vốn kinh doanh chung. Cụ thể: Ngày 24/12/2020, bà B và ông K đã tiến hành ký hợp đồng góp vốn với các thỏa thuận như sau: Giá trị tài sản góp vốn là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn góp vốn bằng tiền mặt là 01 năm bắt đầu từ ngày 24/12/2020 đến ngày 24/12/2021. Mục đích góp vốn là để kinh doanh, vận tải hàng hóa. Hình thức rút lãi là bà B sẽ được chia lãi từ ông K với số tiền mặt là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Sau khi hết hạn hợp đồng và thỏa thuận rút lãi nếu vì vấn đề không thỏa mãn hợp đồng thì bà B có quyền rút 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) ban đầu từ ông K.

Hết hạn hợp đồng, hai bên không tiếp tục hợp tác nữa nên bà B có yêu chấm dứt hợp đồng, yêu cầu ông K trả lại số tiền góp vốn nhưng ông K trốn tránh không thực hiện. Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu ông K trả lại số tiền đã góp vốn là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 27/12/2023; bản tự khai ngày 15/3/2024; Hợp đồng góp vốn ngày 24/12/2020; 01 đơn yêu cầu tòa án hỗ trợ gửi tài liệu chứng cứ.

**** Ý kiến của bị đơn ông Huỳnh Văn K:***

Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông K biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông K vắng mặt không có lý do.

* Theo kết quả xác minh địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Công xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương xác định: Ông K vẫn còn tạm trú tại địa chỉ Tổ B, ấp S, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nhưng đã bỏ nhà đi khỏi địa phương không thông báo nơi ở mới. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Huỳnh Văn K trên trên báo T1 các số báo 134 ngày 13/5/2024, 135 ngày 14/5/2024, 136 ngày 15/5/2024; đăng thông báo trên kênh VTV9 Trung tâm T2 khu vực N 03 ngày (từ ngày 17/5/2024 đến ngày 19/5/2024), đăng thông báo trên Cổng thông tin điện tử Tòa án theo quy định pháp luật nhưng ông K vẫn không tham gia tố tụng, không ủy quyền, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử cho phiên tòa được tiếp tục để bảo vệ quyền, lợi ích

hợp pháp của đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng góp vốn". Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay đề nghị khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B, buộc ông K phải thanh toán số tiền 200.000.000 đồng cho bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện nguyên có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông K có tạm trú tại ấp S, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng góp vốn" theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà B yêu cầu ông K thanh toán 200.000.000 đồng. Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng:

[3.1] Bà B và ông K đã thỏa thuận góp vốn kinh doanh với nhau và thực tế đã ký kết "hợp đồng góp vốn" (hợp đồng hợp tác) lập ngày 24/12/2020, thời hạn là 01 năm bắt đầu từ ngày 24/12/2020 đến ngày 24/12/2021, hình thức rút lãi là bà B sẽ được chia lãi với số tiền mặt là 30.000.000 đồng, định kỳ 03 tháng một lần, bắt đầu từ ngày hiệu lực hợp đồng. Sau khi hết hạn hợp đồng nếu hai bên không thể tiếp tục hợp tác thì bà B có quyền chấm dứt hợp đồng góp vốn và rút lại phần vốn đã góp là 200.000.000 đồng.

[3.2] Về nội dung hợp đồng: Nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức, xã hội. Chủ thể của hợp đồng: Chủ thể trực tiếp giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tự nguyện giao kết, không ai bị ép buộc. Hình Thức của hợp đồng không bắt buộc phải công chứng nên hợp đồng góp vốn giữa bà B và ông K có giá trị pháp lý. Theo khoản 1 Điều 422 Bộ luật dân sự thì "*hợp đồng chấm dứt khi hợp đồng đã hoàn thành*"; theo điểm b khoản 1 Điều 512 Bộ luật dân sự thì hợp đồng hợp tác chấm dứt trong trường hợp "*Hết thời hạn ghi trong hợp đồng hợp tác*". Như vậy, hợp đồng góp vốn giữa bà B và ông K đã hết hạn từ ngày 25/12/2021. Theo Điều 7 của hợp đồng góp vốn quy định "*Bên B có nghĩa vụ thanh toán đủ tiền góp vốn ban đầu từ Bên A trong thời hạn 20 ngày kể từ*

ngày kết thúc hợp đồng". Bị đơn ông K không trả tiền cho bà B là vi phạm thỏa thuận đã ký kết.

[3.3] Quá trình thực hiện tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn ông K được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ. Đồng thời, Tòa án đã đăng thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên trên báo T1 các số báo 134 ngày 13/5/2024, 135 ngày 14/5/2024, 136 ngày 15/5/2024; đăng thông báo trên kênh VTV9 Trung tâm T2 khu vực N 03 ngày (từ ngày 17/5/2024 đến ngày 19/5/2024), đăng thông báo trên Cổng thông tin điện tử Tòa án theo quy định pháp luật nhưng ông K cố tình vắng mặt không tham gia các buổi làm việc, buổi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử để có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này thể hiện ông K cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của bà B được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Chi phí đăng tin, đăng báo đến thời điểm xét xử là 3.000.000 đồng. Ông K phải chịu để hoàn trả cho bà B.

[6] Về án phí: Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 117, 357, 422, 468, 504, 507, 512 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng góp vốn của bà Nguyễn Thị B đối với ông Huỳnh Văn K.

Buộc ông Huỳnh Văn K có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị B số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Chi phí đăng tin, đăng báo đến ngày xét xử sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn K phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Huỳnh Văn K phải chịu số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002588 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Mỹ **Nguyễn Thị Kim Phi** **Nguyễn Tuấn Nam**